

Số: /QĐ-SYT

Bình Phước, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Long Thịnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Bình Phước;

Căn cứ vào kết quả thẩm định của Đoàn thẩm định để cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Long Thịnh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với Phòng khám Đa khoa Long Thịnh (Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 245/BP-GPHĐ do Sở Y tế Bình Phước cấp ngày 17/9/2021), như sau:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở trước đây: Chuyên khoa Nội, chuyên khoa Ngoại, bộ phận Xét nghiệm và bộ phận Chẩn đoán hình ảnh (Xquang, siêu âm).

- Phạm vi hoạt động chuyên môn mới của cơ sở: Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Ngoại khoa, Y học cổ truyền và 02 bộ phận: Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm.

Điều 2. Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Long Thịnh gồm: **187** kỹ thuật (chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Điều 3. Phê duyệt danh sách đăng ký hành nghề tại Phòng khám Đa khoa Long Thịnh (chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm).

Điều 4. Phòng khám Đa khoa Long Thịnh phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đã được Sở Y tế cho phép và quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 5. Các Ông, bà Trưởng/phó phòng Nghiệp Vụ; Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Phòng khám Đa khoa Long Thịnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- UBND huyện Bù Đăng;
- TTYT huyện Bù Đăng;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó Giám đốc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV (T17.3).

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1**PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT**

Trong khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám Đa khoa Long Thịnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- SYT ngày tháng 3 năm 2025
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

STT	STT (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1	5936	8.1	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Mai hoa châm
2	5937	8.2	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Hào châm
3	5938	8.3	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Mãng châm
4	5940	8.5	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm
5	5941	8.6	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm
6	5943	8.8	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Ôn châm
7	5944	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
8	5961	8.26	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Bó thuốc
9	5963	8.28	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Luyện tập dưỡng sinh
10	6049	8.114	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mẫn châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông
11	6051	8.116	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mẫn châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
12	6064	8.129	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền đình
13	6065	8.13	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mẫn châm điều trị hội chứng vai gáy
14	6068	8.133	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mẫn châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
15	6070	8.135	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mẫn châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn

16	6071	8.136	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mãng châm điều trị thất vận ngôn
17	6072	8.137	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V
18	6073	8.138	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
19	6074	8.139	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não
20	6075	8.14	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mãng châm điều trị khản tiếng
21	6076	8.141	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên
22	6077	8.142	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới
23	6089	8.154	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp
24	6090	8.155	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai
25	6091	8.156	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp
26	6092	8.157	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện mãng châm điều trị đau lưng
27	6213	8.278	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình
28	6214	8.279	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị huyết áp thấp
29	6215	8.28	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
30	6216	8.281	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng stress
31	6217	8.282	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị cảm mạo
32	6218	8.283	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị viêm amidan
33	6219	8.284	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị trĩ
34	6220	8.285	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt

35	6221	8.286	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em
36	6222	8.287	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
37	6223	8.288	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
38	6224	8.289	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị cơn đau quận thận
39	6225	8.29	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị viêm bàng quang
40	6226	8.291	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện
41	6227	8.292	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị bí đái cơ năng
42	6228	8.293	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị sa tử cung
43	6229	8.294	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
44	6230	8.295	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
45	6231	8.296	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
46	6232	8.297	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp
47	6233	8.298	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp
48	6234	8.299	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị khàn tiếng
49	6235	8.3	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
50	6236	8.301	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt chi trên
51	6240	8.305	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
52	6241	8.306	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông
53	6242	8.307	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị viêm mũi xoang

54	6243	8.308	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá
55	6245	8.31	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị viêm mũi xoang
56	6248	8.313	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp
57	6249	8.314	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị ù tai
58	6251	8.316	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh
59	6252	8.317	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
60	6253	8.318	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư
61	6254	8.319	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị giảm đau do zona
62	6255	8.32	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh
63	6256	8.321	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt
64	6257	8.322	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông
65	6258	8.323	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
66	6259	8.324	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị mất ngủ
67	6260	8.325	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng stress
68	6261	8.326	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị nấc
69	6262	8.327	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm
70	6265	8.33	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
71	6266	8.331	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng
72	6271	8.336	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng
73	6272	8.337	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược
74	6273	8.338	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em

75	6274	8.339	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị giảm thính lực
76	6275	8.34	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt trẻ em
77	6277	8.342	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em
78	6278	8.343	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
79	6279	8.344	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
80	6282	8.347	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
81	6283	8.348	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị thống kinh
82	6284	8.349	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
83	6285	8.35	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đái dầm
84	6286	8.351	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình
85	6287	8.352	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau vai gáy
86	6290	8.355	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
87	6291	8.356	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
88	6292	8.357	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
89	6293	8.358	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị thất vận ngôn
90	6294	8.359	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau dây V
91	6295	8.36	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống
92	6296	8.361	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não
93	6299	8.364	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi

94	6300	8.365	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt chi trên
95	6301	8.366	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới
96	6306	8.371	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang
97	6307	8.372	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa
98	6308	8.373	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau răng
99	6309	8.374	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài
100	6310	8.375	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp
101	6311	8.376	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp
102	6312	8.377	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai
103	6313	8.378	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau lưng
104	6322	8.387	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện
105	6323	8.388	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng
106	6324	8.389	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên
107	6325	8.39	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới
108	6326	8.391	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
109	6327	8.392	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thất lưng- hông
110	6328	8.393	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não
111	6329	8.394	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
112	6330	8.395	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
113	6331	8.396	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên

114	6332	8.397	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới
115	6333	8.398	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất
116	6335	8.4	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai
117	6336	8.401	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khuru giác
118	6337	8.402	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ
119	6341	8.406	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược
120	6342	8.407	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp
121	6343	8.408	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu
122	6344	8.409	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ
123	6345	8.41	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress
124	6346	8.411	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
125	6347	8.412	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
126	6348	8.413	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V
127	6349	8.414	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
128	6350	8.415	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mí
129	6351	8.416	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
130	6352	8.417	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác cơ năng
131	6353	8.418	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thị lực
132	6354	8.419	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình
133	6355	8.42	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực

134	6356	8.421	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang
135	6357	8.422	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản
136	6358	8.423	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị tăng huyết áp
137	6359	8.424	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp
138	6360	8.425	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn
139	6361	8.426	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng
140	6362	8.427	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị nấc
141	6363	8.428	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp
142	6364	8.429	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau do thoái hóa khớp
143	6365	8.43	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng
144	6366	8.431	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai
145	6367	8.432	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy
146	6368	8.433	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng tic cơ mặt
147	6369	8.434	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
148	6370	8.435	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tắc tia sữa
149	6371	8.436	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn kinh nguyệt
150	6372	8.437	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau bụng kinh
151	6373	8.438	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền mãn kinh
152	6374	8.439	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón
153	6375	8.44	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hoá
154	6376	8.441	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác nông

155	6377	8.442	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng
156	6378	8.443	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật
157	6379	8.444	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì
158	6380	8.445	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não
159	6381	8.446	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
160	6382	8.447	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
161	6383	8.448	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư
162	6389	8.454	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn
163	6390	8.455	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn
164	6391	8.456	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn
165	6392	8.457	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn
166	6393	8.458	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn
167	6394	8.459	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn
168	6395	8.46	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn
169	6396	8.461	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn
170	6397	8.462	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn
171	6398	8.463	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn
172	6399	8.464	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
173	6400	8.465	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị di tinh thể hàn

174	6401	8.466	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt dương thể hàn
175	6402	8.467	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn
176	6403	8.468	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị bí đái thể hàn
177	6404	8.469	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn
178	6405	8.47	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn
179	6406	8.471	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn
180	6407	8.472	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đái dầm thể hàn
181	6408	8.473	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đau lưng thể hàn
182	6409	8.474	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn
183	6410	8.475	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn
184	6411	8.476	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn
185	6412	8.477	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn
186	6413	8.478	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn
187	6418	8.483	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ
Tại Phòng khám Đa khoa Long Thịnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- SYT ngày tháng 3 năm 2025
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

STT	Họ và tên người hành nghề KBCB	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn (ghi cụ thể chức danh, vị trí chuyên môn được phân công đảm nhiệm)	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)
1	Phan Duy Chức	110974/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội chung, siêu âm tổng quát	* Giờ làm việc hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng: 07h00 đến 11h00 Chiều: 14h00 đến 18h00 * Làm việc ngoài giờ: Chủ nhật: Sáng: 07h00 đến 11h00	Người chịu trách nhiệm chuyên môn chính, Trưởng khoa Nội – Bác sĩ khám chữa bệnh khoa nội, siêu âm, điện tim	
2	A Hệ	000076/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	* Giờ làm việc hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng: 06h00 đến 10h00 Chiều: 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ: Chủ nhật: Sáng: 10h00 đến 12h00 Chiều: 13h30 đến 15h30	Bác sĩ khoa Nội; điện tim	
3	Nguyễn Ngọc Thương	011039/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	* Giờ làm việc hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng: 08h00 đến 12h00 Chiều: 15h00 đến 19h00 * Làm việc ngoài giờ: Chủ nhật: Chiều: 14h00 đến 18h00	Bác sĩ khoa Nội , Siêu âm tổng quát	

4	Lê Văn Trọng	004158/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	* Giờ làm việc hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng: 07h00 đến 11h00 Chiều: 14h00 đến 18h00 * Làm việc ngoài giờ: Chủ nhật: Sáng: 07h00 đến 11h00	Trưởng khoa Ngoại – Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh khoa Ngoại	
5	Vũ Hồng Cẩm	0004355/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	* Giờ làm việc hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng: 07h00 đến 11h00 Chiều: 14h00 đến 18h00 * Làm việc ngoài giờ: Chủ nhật: Sáng: 07h00 đến 11h00	Trưởng bộ phận Chẩn đoán hình ảnh – Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	
6	Trương Xuân Hà	003506/BD-CCHN	Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh	* Giờ làm việc hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng: 07h00 đến 11h00 Chiều: 14h00 đến 18h00 * Làm việc ngoài giờ: Chủ nhật: Sáng: 07h00 đến 11h00	Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh	
7	Huỳnh Thị Ánh	000978/GL-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	* Giờ làm việc hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng: 07h00 đến 11h00 Chiều: 14h00 đến 18h00 * Làm việc ngoài giờ: Chủ nhật: Sáng: 07h00 đến 11h00	Trưởng bộ phận Xét nghiệm – Cử nhân xét nghiệm y học, KTV thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm	
8	Nguyễn Thị Thủy Long	000322/BP-CCHN	Xét nghiệm y học	* Giờ làm việc hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng: 06h30 đến 10h30 Chiều: 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ: Chủ nhật: Chiều: 13h30 đến 17h30	Cử nhân xét nghiệm Nhân viên phòng xét nghiệm	
9	Nguyễn Thị Thuần	000351/BP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	* Giờ làm việc hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng: 07h00 đến 11h00 Chiều: 14h00 đến 18h00 * Làm việc ngoài giờ: Chủ nhật: Sáng: 07h00 đến 11h00	Trưởng bộ phận Y học cổ truyền – Bác sĩ Y học cổ truyền	